TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2020/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 03 tháng 03 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị X, sinh năm: 1995
- Bị đơn: Anh Lò Thanh T, sinh năm: 1991

Đều trú tại: Thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Hà Thị X và anh Lò Thanh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về hôn nhân:** Chị Hà Thị X và anh Lò Thanh T tự nguyện thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:** Chị Hà Thị X và anh Lò Thanh T có 01 con chung là cháu

Lò Hoài An N, sinh ngày 22/11/2013. Hai bên đương sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận khi ly hôn giao cháu Lò Hoài An N cho anh Lò Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, chị Hà Thị X cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu Lò Hoài An N đủ 18 tuổi, bắt đầu từ tháng 03/2020.

Chị Hà Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

*** Về tài sản và công nợ:** Các đương sự khai không có tài sản và công nợ chung. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

*** Về án phí:** Các đương sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận chị Hà Thị X chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng án phí chị phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại biên lai thu số: AA/2018/0005230 ngày 1702/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- UBND xã C;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Văn Sửng